

Bản án số: 218/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/8/2025

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng V.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Thủy T và bà Nguyễn Thị Ngọc L.*

**- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy T** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc C** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2-Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2025/TLST-HNGĐ ngày 11/7/2025 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/8/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 1960; Nơi thường trú: số 25/27/9 LVT, phường TTH, thành phố Hồ Chí Minh. *Có đơn xin vắng mặt.*

**- Bị đơn: Ông Đào Đình Đ**, sinh năm 1941; Nơi thường trú: 12xx - CT2 ĐN1 khu đô thị ĐC, phường PL, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh X trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đào Đình Đ tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 10/10/2002. Khi lấy nhau cả hai đều tái giá và từ ngày 15/10/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, chồng Bắc, vợ Nam. Nay tôi bị bệnh hiểm nghèo (ung thư vú di căn sang phổi), sức khỏe yếu, các con tôi mong muốm khi tôi qua đời thì sẽ chôn cất tại phần mộ gia đình chồng cũ nên tôi đề nghị Tòa án khu vực 2 – Hà Nội giải quyết ly hôn cho tôi và ông Đào Đình Đ.

- Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

- Về tài sản chung: Tôi không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Không có.

**\* Bị đơn: Ông Đào Đình Đ trình bày:**

Tôi và bà X đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 112/2002 tại UBND phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường TSH, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 10/10/2002. Tôi và bà X đều tái giá trước khi lấy nhau. Vì nhiều lý do nên từ ngày 15/10/2019 đến nay chúng tôi sống ly thân, tôi ra ngoài bắc sống cùng con đẻ của tôi, còn bà X sống cùng con đẻ trong thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay bà X mắc bệnh hiểm nghèo (ung thu vú di căn vào phổi và xương). Thuận theo nguyện vọng các con bà X là khi bà X qua đời thì sẽ chôn cất tại phần mộ gia đình chồng cũ nên tôi đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án khu vực 2 – Hà Nội không tiến hành hòa giải và đưa vụ án ra xét xử.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và công nợ chung: không có.

**Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt.
- Bị đơn – Ông Đào Đình Đ nhất trí ly hôn.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Hà Nội phát biểu:**

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa quá trình giải quyết vụ án cơ bản đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn bị bệnh hiểm nghèo và có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn quá trình tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn ông Đào Đình Đ. Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Bà X không phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] *Về tố tụng:* Nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh X thuộc những tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Đào Đình Đ hiện đang cư trú tại phường PL, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà X theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Đào

Đình Đ dựa trên cơ sở có tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết cả bà X và ông Đ đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, chồng bắt vợ nam hơn nữa thể theo nguyện vọng của bà X do bà đang mắc bệnh hiểm nghèo muốn sau khi mất được chôn cất bên phần mộ của chồng cũ nên cần chấp nhận cho bà X được ly hôn ông Đ theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

[3] *Về con chung*: Quá trình chung sống, bà X và ông Đ không có con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Đào Đình Đ không có tài sản chung và công nợ chung.

[5] *Về án phí*: Bà Nguyễn Thị Thanh X là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị Thanh X là người cao tuổi và mắc bệnh hiểm nghèo nên được miễn án phí theo Điều 146 BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị Thanh X và ông Đào Đình Đ có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 01/2024/NQ - HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh

X. Bà Nguyễn Thị Thanh X được ly hôn với ông Đào Đình Đ.

**2. Về con chung:** Không có.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** không có.

**4. Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Thanh X được miễn nộp tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Thanh X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật. Ông Đào Đình Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện KSND khu vực 2 – Hà Nội;
- THADS Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường TSH, thành phố Hồ Chí Minh)
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Hồng V**